

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 31/5/2022

“V/v Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hải;

2. Ông Trịnh Văn Nguyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh tham gia phiên tòa: Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn ..., xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Anh K, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn ..., xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2022, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Anh K qua quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống tại xã I, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai vào tháng 11/1988. Bà và ông K có lên Ủy ban nhân dân xã I khai báo để tiến hành đăng ký kết hôn, nhưng sau đó về nhà và không thấy ai báo gì. Sau đó do làm ăn kinh tế nên ông bà không có đi đăng ký kết theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức đám cưới xong, bà và ông K về chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K hay uống rượu say rồi về đập phá nhà cửa, đánh đập vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên giải, nhưng ông K không chịu sửa đổi. Vì con cái nên bà cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái và đến nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Thời gian gần đây ông K càng lúc càng thay

đổi tính nết, không lo làm ăn, chỉ lo uống say rồi về nhà chửi bới, đánh đập bà thậm tệ. Cuộc sống cứ kéo dài như vậy mấy chục năm nay khiến bà không thể chịu đựng nổi nữa. Từ cuối năm 2019 đến nay bà đã ra ở riêng. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông Trần Anh K không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông K có ba con chung là Trần Văn K, sinh năm 1989; Trần Thị M, sinh năm 1991 và Trần Thị M1, sinh năm 1993. Nay các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Bà không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Anh K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thị N qua quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống tại xã I, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai vào tháng 11/1988. Ông bà có lên Ủy ban nhân dân xã I khai báo để tiến hành đăng ký kết hôn, nhưng sau đó về nhà và không thấy báo gì. Sau đó ông bà không có đi đăng ký kết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, ông K cũng xác nhận vợ chồng ông thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông thường uống rượu, về nhà vợ chồng có lời qua tiếng lại và ông có đánh bà N nhiều lần. Ông cũng đã cố gắng sửa đổi làm ăn, nuôi dạy con cái, tuy nhiên vợ chồng vẫn không thể hòa hợp với nhau. Bà N đã chuyển về xã I sống cùng với con gái từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu tòa án giải quyết tuyên bố ông và bà N không phải là vợ chồng, ông xét thấy ông và bà N không thể quay lại chung sống với nhau được nữa, nên ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà N có ba con chung là Trần Văn K, sinh năm 1989; Trần Thị M, sinh năm 1991 và Trần Thị M1, sinh năm 1993. Nay các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Ông không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 9, 14, 53, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Không công nhận bà Trương Thị N và ông Trần Anh K là vợ chồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị N và ông Trần Anh K đều thừa nhận ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11/1988 tại xã I, huyện Chư Păh, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà N và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K hay uống rượu say rồi về đập phá nhà cửa, đánh đập vợ con nhiều lần. Hai bên đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, bà N và ông K đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Hiện bà N và ông K đều xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà N và ông K là vợ chồng.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Chư Păh nơi bà N và ông K cư trú thì bà N và ông K không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình 2000, xác định hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông K.

[3] Về con chung: Hiện nay con chung giữa bà N và ông K đã đủ tuổi trưởng thành, bà N và ông K không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Bà N và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trương Thị N và ông Trần Anh K là vợ chồng.

Về án phí: Bà Trương Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà N đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0007084 ngày 01 tháng 10 năm 202 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã I;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa